

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Dự toán chi tiết
các dự án tiết kiệm năng lượng năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục Chương trình Khuyến công địa phương và Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng tại Tờ trình số 04/TTr-TTKC&TKNL ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Dự toán chi tiết các dự án tiết kiệm năng lượng năm 2021 (kèm theo các văn bản số: 3401/SCT-QLĐN, 3402/SCT-QLĐN, 3403/SCT-QLĐN, 3404/SCT-QLĐN, 3405/SCT-QLĐN, 3406/SCT-QLĐN, 3407/SCT-QLĐN, 3408/SCT-QLĐN, 3409/SCT-QLĐN ngày 25/12/2020 của Sở Công Thương về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình; Văn bản số 166/STC-

TCDN ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài chính về việc thông báo kết quả thẩm định dự toán xây dựng các dự án tiết kiệm năng lượng năm 2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án tiết kiệm năng lượng năm 2021 với những nội dung chính như sau:

1. Tên các dự án:

1.1. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km).

1.2. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km).

1.3. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi).

1.4. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km).

1.5. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km).

1.6. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km).

1.7. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km).

1.8. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước (02 km).

1.9. Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phạm Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tâm Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác).

10. Hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nôi lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km).

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng - Sở Công Thương Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu chiếu sáng, tạo thuận lợi cho các phương tiện, nhân dân tham gia giao thông, tiết kiệm điện lưới, góp phần đảm bảo an ninh và mỹ quan đô thị.

4. Quy mô và nội dung đầu tư các dự án:

4.1. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 38 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 9m+cần đơn 2m dày 3,5mm, có dài tuyến là 1480m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đấu nối tại cột hạ thế thuộc TBA số 1: 320kVA xã Hà Long. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 150W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$. Cụ thể tuyến:

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 9m+cần đơn 2m dày 3,5mm = 38 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 38 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 1480; ống nhựa HDPE-65/50 = 1648m; Dây đồng M10 = 1648m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 1648m; dây lên đèn 2x2,5mm² (11m/cột) = 418m. Đầu cốt đồng = 156 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 38 cái; Đèn LED 150W = 38 cái; tiếp địa RC-1 = 38 bộ; RC-2 = 02 bộ, tủ ĐKCS = 01 tủ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung.

- Loại cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp công trình: cấp 4.

- Tổng mức đầu tư: 2.260.051.000 đồng.

4.2. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 33 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 9m+cần đơn 2m dày 3,5mm, có dài tuyến là 1.280m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đấu nối tại cột hạ thế thuộc TBA số 3: 250kVA thị trấn Phong Sơn. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 150W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$. Cụ thể tuyến:

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 9m+cần đơn 2m dày 3,5mm = 33 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 33 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 1280; ống nhựa HDPE-65/50 = 1428m; Dây đồng M10 = 1428m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 1428m; dây lên đèn 2x2,5mm² (11m/cột) = 363m. Đầu cột đồng = 136 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 33 cái; Đèn LED 150W = 33 cái; tiếp địa RC-1 = 33 bộ; RC-2 = 02 bộ, tủ ĐKCS = 01 tủ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy.

- Loại cáp công trình: Công trình năng lượng, cáp công trình: cáp 4.

- Tổng mức đầu tư: 1.970.739.000 đồng.

4.3. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 32 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 9m+cần đôi 2m dày 4mm, có dải tuyến là 1240m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đấu nối cột hạ thế thuộc TBA số 2: 250kVA thị trấn Vĩnh Lộc. Tuyến điện chiếu sáng nằm trên dải phân cách giữa thuộc tuyến đường trục chính nối quốc lộ 217 và quốc lộ 45, sử dụng đèn LED cao áp 150W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{đ\leq} 10\Omega$.

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 9m+cần đôi 2m dày 4mm = 32 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 32 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 1240; ống nhựa HDPE-65/50 = 1404m; Dây đồng M10 = 1404m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 1404m; dây lên đèn 2x2,5mm² (13m/cột) = 416m. Đầu cột đồng = 132 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 32 cái; Đèn LED 150W = 64 cái; tiếp địa RC-1 = 32 bộ; RC-2 = 02 bộ, tủ ĐKCS = 01 tủ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45.

- Loại cáp công trình: Công trình năng lượng, cáp công trình: cáp 4

- Tổng mức đầu tư: 2.308.417.000 đồng.

4.4. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 35 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm, có dài tuyến là 1360m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đầu nối tại cột hạ thế thuộc TBA số 3: 180kVA xã Định Long. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 90W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$. Cụ thể tuyến:

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm=35cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 35 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 1360; ống nhựa HDPE-65/50 = 1516m; Dây đồng M10 = 1516m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 1516m; dây lên đèn 2x2,5mm² (9m/cột) = 315m. Đầu cốt đồng = 144 cái; Băng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 35 cái; Đèn LED 90W = 35 cái; tiếp địa RC-1 = 35 bộ; RC-2 = 02 bộ, tủ ĐKCS = 01 tủ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km).

- Loại cáp công trình: Công trình năng lượng, cáp công trình: cáp 4.

- Tổng mức đầu tư: 1.999.681.000 đồng.

4.5. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 32 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm, có dài tuyến là 1240m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đầu nối cột hạ thế thuộc TBA số 3: 180kVA xã Nga Trường. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 90W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$. Cụ thể tuyến:

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm = 32 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 32 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 1240; ống nhựa HDPE-65/50 = 1384m; Dây đồng M10 = 1384m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-

$0,6/1\text{kV}-3\times 16+1\times 10\text{mm}^2 = 1384\text{m}$; dây lên đèn $2\times 2,5\text{mm}^2$ (9m/cột) = 288m. Đầu cốt đồng = 132 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 32 cái; Đèn LED 90W = 32 cái; tiếp địa RC-1 = 32 bộ; RC-2 = 02 bộ, tủ ĐKCS = 01 tủ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn.

- Loại cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp công trình: cấp 4.

- Tổng mức đầu tư: 1.828.909.000 đồng.

4.6. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 28 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm, có dài tuyến là 1135m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đầu nối tại vị trí cột điện hạ thế thuộc TBA số 6: 250kVA thị trấn Lang Chánh. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 90W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa an toàn bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{\text{đ}} \leq 10\Omega$.

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 7m+cần đơn 2m = 28 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng ($4\times\Phi 24\times 885$) = 28 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 925m; ống nhựa HDPE-65/50 = 1262m; Dây đồng M10 = 1262m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 1262m; dây lên đèn $2\times 2,5\text{mm}^2$ (09m/cột) = 252m. Đầu cốt đồng = 116 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 28 cái; Đèn LED 90W = 28 cái; tiếp địa RC-1 = 28 bộ; RC-2 = 02 bộ; tủ ĐKCS = 01 tủ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.

- Loại cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp công trình: cấp 4.

- Tổng mức đầu tư: 1.585.178.000 đồng.

4.7. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 07 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm, có dài tuyến là

240m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đầu nối tại vị trí cột đèn có sẵn ở ngã ba rẽ lên khu di tích lịch sử Chùa Mèo. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 90W, cột đèn được bố trí tiếp địa an toàn RC-1 cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$.

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 7m+cần đơn 2m dày 3,5mm = 07 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 07 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 240m; ống nhựa HDPE-65/50 = 308m; Dây đồng M10 = 308m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 308m; dây lên đèn 2x2,5mm² (09m/ cột) = 63m. Đầu cột đồng = 32 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 07 cái; Đèn LED 90W = 07 cái; tiếp địa RC-1 = 07 bộ.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.

- Loại cáp công trình: Công trình năng lượng, cáp công trình: cáp 4.

- Tổng mức đầu tư 390.814.000 đồng

4.8. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước (02 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 50 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 9m+cần đèn cao 2m vươn 1,5m, có dài tuyến là 1960m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đầu nối tại cột hạ thế sở thuộc TBA số 3: 180kVA thị trấn Cảnh Nang. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED 150W, cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$.

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10. Cột đèn, tủ ĐKCS được bố trí tiếp địa bằng thép L63x63x6 dài 2,5m.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 9m+ cần đèn cao 2m vươn 1,5m (dày 3,5mm) = 50 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 50 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 1960m; ống nhựa HDPE-65/50 = 2176m; Dây đồng M10 = 2176m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 2176m; dây lên đèn 2x2,5mm² (11m/cột) = 550m. Đầu cột đồng = 204 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 50 cái; Đèn LED 150W = 50 cái; tủ ĐKCS = 01 tủ; tiếp địa RC-1 = 50 bộ, RC-2 = 02 bộ; móng tủ ĐKCS (650x400x900) = 01 móng.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường trục chính thị trấn Cảnh Năng, huyện Bá Thước (02 km).

- Loại cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp công trình: cấp 4.

- Tổng mức đầu tư: 2.981.733.000 đồng

4.9. Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phan Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phan Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác).

- Các giải pháp thay thế đèn LED: Thay thế 23 bộ đèn LED 150W, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác.

- Kết cấu chung: Cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét = 23 cần + đèn LED 150W = 23 bóng, dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5 = 69 mét, đai gông cần đèn = 46 bộ, hộp điện kỹ thuật đấu nối và thiết bị bảo vệ = 23 bộ và các vật liệu phụ kèm theo.

- Địa điểm thay thế: Tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phan Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phan Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác).

- Loại cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp công trình: cấp 4.

- Tổng mức đầu tư: 333.797.000 đồng

4.10. Hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nối lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km).

- Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

Hệ thống chiếu sáng được thiết kế: Xây dựng mới 23 vị trí cột đèn chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 9m+cần đèn vươn 1,5m, có dài tuyến là 880m, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² được đấu nối tại cột hạ thế của TBA số 1: 320kVA xã Thiệu Trung. Tuyến điện chiếu sáng sử dụng đèn LED cao áp 90W, trên cột được bố trí tấm pin năng lượng mặt trời+tủ kỹ thuật, tiếp địa an toàn bằng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$.

Cáp ngầm chiếu sáng đặt trong hào cáp được thiết kế đảm bảo kỹ thuật gồm cát đen+đất đầm chặt+băng bảo hiệu cáp, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE-65/50, tuyến chiếu sáng được nối tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10.

Kết cấu chung của tuyến: Cột đèn tròn côn cao 9m+cần đèn vươn 1,5m = 23 cột; Móng đèn bê tông cốt thép mác M150+khung móng (4xΦ24x885) = 23 móng; Rãnh 1 cáp trên nền đất = 880m; ống nhựa HDPE-65/50 = 988m; Dây đồng M10 = 988m; Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA-0,6/1kV-3x16+1x10mm² = 988m; dây lên đèn 2x2,5mm² (20m/cột) = 460. Đầu cốt đồng = 368 cái; Bảng điện cửa cột+aptomat 1P-6A = 23 cái; bộ điều

khuyến+pin NLMT 120Wp+giá đỡ= 23 bộ; ác quy DC-12V-150Ah = 23 bộ;
Đèn LED 90W = 23 cái; tiếp địa RC-1 = 23 bộ.

- Địa điểm xây dựng: Tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km).

- Loại cấp công trình: Công trình năng lượng, cấp công trình: cấp 4.

- Tổng mức đầu tư 2.497.301.000 đồng

5. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2021

Điều 2. Phê duyệt Dự toán chi tiết các dự án tiết kiệm năng lượng năm 2021 như sau:

1. Tổng kinh phí phê duyệt 10 dự án là: 18.156.620.000 đồng (Mười tám tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn); trong đó, cụ thể cho từng dự án như sau:

1.1. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km).

Tổng mức đầu tư: 2.260.051.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, không trăm năm mươi một nghìn đồng), trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 2.050.702.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 51.510.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 145.030.000 đồng |
| - Chi phí khác: | 12.809.000 đồng |

(Có Phụ lục chi tiết số 01 kèm theo)

1.2. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km).

Tổng mức đầu tư: 1.970.739.000 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 1.788.173.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 44.916.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 126.480.000 đồng |
| - Chi phí khác: | 11.170.000 đồng |

(Có Phụ lục chi tiết số 02 kèm theo)

1.3. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi).

Tổng mức đầu tư: 2.308.417.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.094.736.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 52.616.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 147.982.000 đồng
- Chi phí khác: 13.083.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết số 03 kèm theo)

1.4. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km).

Tổng mức đầu tư: 1.999.681.000 đồng (Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.814.394.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 45.574.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 128.379.000 đồng
- Chi phí khác: 11.334.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết số 04 kèm theo)

1.5. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km).

Tổng mức đầu tư: 1.828.909.000 đồng (Một tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, chín trăm linh chín nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.659.450.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 41.682.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 117.411.000 đồng
- Chi phí khác: 10.366.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết số 05 kèm theo)

1.6. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km).

Tổng mức đầu tư: 1.585.178.000 đồng (Một tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.438.261.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 36.127.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 101.806.000 đồng
- Chi phí khác: 8.984.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết số 06 kèm theo)

1.7. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km).

Tổng mức đầu tư: 390.814.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu, tám trăm mười bốn nghìn đồng*), trong đó:

a) Giá trị dự toán xây dựng:	390.814.000 đồng
Trong đó:	
- Chi phí xây dựng:	354.619.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	8.907.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	25.073.000 đồng
- Chi phí khác:	2.215.000 đồng

(*Có Phụ lục chi tiết số 07 kèm theo*)

1.8. Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước (02 km).

Tổng mức đầu tư: 2.981.733.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.705.492.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	67.957.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	191.384.000 đồng
- Chi phí khác:	16.900.000 đồng

(*Có Phụ lục chi tiết số 08 kèm theo*)

1.9. Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phạm Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tâm Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác).

Tổng mức đầu tư: 333.797.000 đồng (*Ba trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng:	313.963.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	7.886.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.056.000 đồng
- Chi phí khác:	1.892.000 đồng

(*Có Phụ lục chi tiết số 09 kèm theo*)

1.10. Hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nổi lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km).

Tổng mức đầu tư: 2.497.301.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.264.362.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 56.877.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 161.908.000 đồng
- Chi phí khác: 14.154.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết số 10 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế dành cho Chương trình khuyến công và Tiết kiệm năng lượng năm 2021, đã được phê duyệt tại Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Số còn lại được bố trí vào năm 2022.

Điều 3. Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh căn cứ quy định của pháp luật và nội dung đã được phê duyệt tại Điều 2 Quyết định này, thực hiện việc giải ngân cho Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa để triển khai thực hiện các dự án.

Sở Công Thương, Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí thực hiện; Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo đúng mục đích và thực hiện việc thanh, quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa, Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC 1

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 1.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	1,864,274,188	186,427,419	2,050,702,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa= 2,763%*Gxd)	51,510,000		51,510,000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn xây dựng	131,952,192	13,078,219	145,030,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	916,852	91,685	1,009,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gdt=Gtt*4,2%)	78,299,516	7,829,952	86,129,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	3,728,548	372,855	4,101,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,864,274	186,427	2,051,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	1,864,274	186,427	2,051,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	47,837,276	4,783,728	52,621,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	1,170,000	-	1,170,000	
4	Chi phí khác	12,809,000		12,809,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GtrQT = (Gxd+Gqlđa+Gtv)*0.57%)	12,809,000		12,809,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	2,060,545,381	199,505,638	2,260,051,000	Gxdct

Phụ lục 1.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	1,334,996,716	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	269,176,945	NC 1
	Chi phí máy	M1	78,763,995	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,682,937,656	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,334,996,716	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	269,176,945	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	78,763,995	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	181,336,532	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	84,146,883	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	97,189,650	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	1,864,274,188	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	186,427,419	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	2,050,701,607	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst + Gxdlt	2,050,702,000	Gxd

Phụ lục 1.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217B qua quần thể khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (1,52 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	24.32		380,000			9,241,600	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	2.43	441,836	284,000		1,074,545	690,688	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	21.89	519,690	284,000	39,163	11,374,975	6,216,192	857,200
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	137	39,864	59,400		5,453,397	8,125,920	
5	Bảo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	38	450,000			17,100,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 9 mét, dày 3,5mm, bích 400x400x100mm- mạ kẽm nhúng nóng	Cột	38	6,000,000	600,000	120,946	228,000,000	22,800,000	4,595,948
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	38	1,000,000	542,763	289,489	38,000,000	20,624,994	11,000,582
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 150W	Bộ	38	7,500,000	108,553	258,264	285,000,000	4,125,014	9,814,032
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	38	214,500	32,566		8,151,000	1,237,508	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	418	19,752	5,000	16,500	8,256,336	2,090,000	6,897,000

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ	m	1,480	127,692	44,743	28,747	188,984,160	66,219,329	42,544,983
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv + (20m đầu nối nguồn điện)	m	1,648	175,000	7,200		288,400,000	11,865,600	
13	Báo giá	Bảng cảnh báo cáp ngầm	m	1,480	8,500			12,580,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	1,648	26,390	24,424		43,490,720	40,250,752	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	1,648	36,683	30,000		60,453,584	49,440,000	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	156		50,000			7,800,000	
17	Báo giá	Đầu cột đồng	Cái	156	8,000			1,248,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	156	300,000	86,842		46,800,000	13,547,352	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	38	35,000	34,000		1,330,000	1,292,000	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	38	1,850,000	86,842	80,375	70,300,000	3,299,996	3,054,250
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						1,334,996,716	269,176,945	78,763,995

PHỤ LỤC 2

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 2.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	1,625,612,131	162,561,213	1,788,173,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	44,916,000		44,916,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	115,075,120	11,405,512	126,480,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	814,980	81,498	896,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gdt = Gtt*4,2%)	68,275,710	6,827,571	75,103,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	3,251,224	325,122	3,576,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,625,612	162,561	1,788,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	1,625,612	162,561	1,788,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	41,713,207	4,171,321	45,885,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	1,020,000	-	1,020,000	
4	Chi phí khác	11,170,000		11,170,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GtrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	11,170,000		11,170,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2 + 3 + 4)	1,796,773,252	173,966,725	1,970,739,000	Gxdct

Phụ lục 2.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	1,160,532,750	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	238,708,312	NC 1
	Chi phí máy	M1	68,249,013	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,467,490,075	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,160,532,750	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	238,708,312	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	68,249,013	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	158,122,056	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	73,374,504	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	84,747,552	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	1,625,612,131	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	162,561,213	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	1,788,173,344	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst +Gxdlt	1,788,173,000	Gxd

Phụ lục 2.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường nối tránh Tây, Quốc lộ 217 qua khu dân cư xã Cẩm Bình, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy (1,32 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	21.1		387,600			8,186,112	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	2.1	441,836	289,680		933,158	611,804	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	19.0	519,690	334,560	39,163	9,878,268	6,359,316	744,410
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	119	39,864	60,588		4,735,844	7,197,854	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	33	450,000			14,850,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 9 mét, dây 3,5mm, bích 400x400x100mm- mạ kẽm nhúng nóng	Cột	33	6,000,000	612,000	120,946	198,000,000	20,196,000	3,991,218
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	33	1,000,000	553,618	289,489	33,000,000	18,269,394	9,553,137
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 150W	Bộ	33	7,500,000	110,724	258,264	247,500,000	3,653,892	8,522,712
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	33	214,500	33,217		7,078,500	1,096,161	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	363	19,752	5,100	16,500	7,169,976	1,851,300	5,989,500

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ	m	1,280	127,692	45,442	28,747	163,445,760	58,166,391	36,795,661
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv + (20m đầu nối nguồn điện)	m	1,428	175,000	7,344		249,900,000	10,487,232	
13	Báo giá	Băng cảnh báo cáp ngầm	m	1,280	8,500			10,880,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	1,428	26,390	24,913		37,684,920	35,575,764	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	1,428	36,683	30,600		52,383,324	43,696,800	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	136		51,000			6,936,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	136	8,000			1,088,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	136	300,000	88,579		40,800,000	12,046,744	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	33	35,000	34,680		1,155,000	1,144,440	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	33	1,850,000	88,579	80,375	61,050,000	2,923,107	2,652,375
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						1,160,532,750	238,708,312	68,249,013

PHỤ LỤC 3

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 3.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	1,904,305,110	190,430,511	2,094,736,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlda= 2,763%*Gxd)	52,616,000		52,616,000	Gqlda
3	Chi phí tư vấn xây dựng	134,638,406	13,344,341	147,982,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	789,512	78,951	868,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gdt=Gtt*4,2%)	79,980,815	7,998,081	87,979,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	3,808,610	380,861	4,189,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,904,305	190,431	2,095,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	1,904,305	190,431	2,095,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	48,864,469	4,886,447	53,751,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	1,195,000	-	1,195,000	
4	Chi phí khác	13,083,000		13,083,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GttrQT = (Gxd+Gqlda+Gtv)*0.57%)	13,083,000		13,083,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	2,104,642,516	203,774,852	2,308,417,000	Gxdct

Phụ lục 3.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi)

DVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	1,411,476,564	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	232,131,771	NC 1
	Chi phí máy	M1	75,466,465	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,719,074,800	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,411,476,564	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	232,131,771	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	75,466,465	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	185,230,310	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	85,953,740	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	99,276,570	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	1,904,305,110	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	190,430,511	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	2,094,735,621	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst + Gxdlt	2,094,736,000	Gxd

Phụ lục 3.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL217 và QL45 (1,28 km đèn đôi)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	20.48		380,000			7,782,400	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	2.05	441,836	284,000		904,880	581,632	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	18.43	519,690	328,000	39,163	9,578,926	6,045,696	721,852
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	115	39,864	59,400		4,592,334	6,842,880	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	32	450,000			14,400,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 9 mét, dày 4mm, mạ kẽm nhúng nóng	Cột	32	6,600,000	600,000	120,946	211,200,000	19,200,000	3,870,272
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn đôi cao 2 mét, vưon hai bên 1,5 mét	Bộ	32	1,600,000	542,763	289,489	51,200,000	17,368,416	9,263,648
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 150W	Bộ	64	7,500,000	108,553	258,264	480,000,000	6,947,392	16,528,896
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	32	214,500	32,566		6,864,000	1,042,112	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	416	19,752	5,000	16,500	8,216,832	2,080,000	6,864,000

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ 40m/cột	m	1,240	127,692	44,743	28,747	158,338,080	55,481,059	35,645,797
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv (30m đầu nối nguồn điện)	m	1,404	175,000	7,200		245,700,000	10,108,800	
13	Báo giá	Băng cảnh báo cáp ngầm	m	1,240	8,500			10,540,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	1,404	26,390	24,424		37,051,560	34,291,296	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	1,404	37,688	30,000		52,913,952	42,120,000	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	132		50,000			6,600,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	132	8,000			1,056,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	132	300,000	86,842		39,600,000	11,463,144	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	32	35,000	34,000		1,120,000	1,088,000	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	32	1,850,000	86,842	80,375	59,200,000	2,778,944	2,572,000
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						1,411,476,564	232,131,771	75,466,465

PHỤ LỤC 4

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 4.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	1,649,449,175	164,944,917	1,814,394,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	45,574,000		45,574,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	116,801,546	11,576,655	128,379,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	865,916	86,592	953,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gdt = Gtt*4,2%)	69,276,865	6,927,687	76,205,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	3,298,898	329,890	3,629,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,649,449	164,945	1,814,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	1,649,449	164,945	1,814,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	42,324,866	4,232,487	46,557,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	1,035,000	-	1,035,000	
4	Chi phí khác	11,334,000		11,334,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GttrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	11,334,000		11,334,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	1,823,158,721	176,521,572	1,999,681,000	Gxdct

Phụ lục 4.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km)

DVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	1,169,435,696	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	248,272,806	NC 1
	Chi phí máy	M1	71,300,006	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,489,008,508	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,169,435,696	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	248,272,806	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	71,300,006	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	160,440,667	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	74,450,425	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	85,990,241	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	1,649,449,175	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	164,944,917	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	1,814,394,092	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst + Gxdlt	1,814,394,000	Gxd

Phụ lục 4.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường từ Quốc lộ 45 vào khu dân cư xã Định Long, huyện Yên Định (1,4 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	22.40		380,000			8,512,000	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	2.24	441,836	284,000		989,713	636,160	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	20.16	519,690	328,000	39,163	10,476,950	6,612,480	789,526
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	126	39,864	59,400		5,022,865	7,484,400	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	35	450,000			15,750,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 7 mét, dày 3,5mm, mạ kẽm nhúng nóng	Cột	35	5,300,000	600,000	120,946	185,500,000	21,000,000	4,233,110
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	35	1,000,000	542,763	289,489	35,000,000	18,996,705	10,132,115
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 90W	Bộ	35	6,500,000	108,553	258,264	227,500,000	3,799,355	9,039,240
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	35	214,500	32,566		7,507,500	1,139,810	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	315	19,752	5,000	16,500	6,221,880	1,575,000	5,197,500

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ 40m/cột	m	1,360	127,692	44,743	28,747	173,661,120	60,850,194	39,095,390
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv + (20m đầu nối nguồn điện)	m	1,516	175,000	7,200		265,300,000	10,915,200	
13	Báo giá	Băng cảnh báo cáp ngầm	m	1,360	8,500			11,560,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	1,516	26,390	24,424		40,007,240	37,026,784	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	1,516	36,683	30,000		55,611,428	45,480,000	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	144		50,000			7,200,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	144	8,000			1,152,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	144	300,000	86,842		43,200,000	12,505,248	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	35	35,000	34,000		1,225,000	1,190,000	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	35	1,850,000	86,842	80,375	64,750,000	3,039,470	2,813,125
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						1,169,435,696	248,272,806	71,300,006

PHỤ LỤC 5

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 5.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	1,508,590,933	150,859,093	1,659,450,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	41,682,000		41,682,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	106,823,956	10,587,796	117,411,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	789,512	78,951	868,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gđt = Gtt*4,2%)	63,360,819	6,336,082	69,697,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	3,017,182	301,718	3,319,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,508,591	150,859	1,659,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	1,508,591	150,859	1,659,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	38,710,443	3,871,044	42,581,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	946,000	-	946,000	
4	Chi phí khác	10,366,000		10,366,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GttrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	10,366,000		10,366,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	1,667,462,889	161,446,889	1,828,909,000	Gxdct

Phụ lục 5.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km)

DVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	1,069,975,828	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	226,785,595	NC 1
	Chi phí máy	M1	65,090,017	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,361,851,440	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,069,975,828	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	226,785,595	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	65,090,017	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	146,739,493	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	68,092,572	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	78,646,921	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	1,508,590,933	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	150,859,093	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	1,659,450,026	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst + Gxdlt	1,659,450,000	Gxd

Phụ lục 5.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 527B đoạn qua trung tâm xã Nga Trường đi làng Trung Điền, huyện Nga Sơn (1,28 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	20.48		380,000			7,782,400	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	2.05	441,836	284,000		904,880	581,632	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	18.43	519,690	328,000	39,163	9,578,926	6,045,696	721,852
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	115	39,864	59,400		4,592,334	6,842,880	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	32	450,000			14,400,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 7 mét, dày 3,5mm, mạ kẽm nhúng nóng	Cột	32	5,300,000	600,000	120,946	169,600,000	19,200,000	3,870,272
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	32	1,000,000	542,763	289,489	32,000,000	17,368,416	9,263,648
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 90W	Bộ	32	6,500,000	108,553	258,264	208,000,000	3,473,696	8,264,448
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	32	214,500	32,566		6,864,000	1,042,112	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	288	19,752	5,000	16,500	5,688,576	1,440,000	4,752,000

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ 40m/cột	m	1,240	127,692	44,743	28,747	158,338,080	55,481,059	35,645,797
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/KV + (20m đầu nối nguồn điện)	m	1,384	175,000	7,200		242,200,000	9,964,800	
13	Báo giá	Băng cảnh báo cáp ngầm	m	1,240	8,500			10,540,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	1,384	26,390	24,424		36,523,760	33,802,816	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	1,384	36,683	30,000		50,769,272	41,520,000	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	132		50,000			6,600,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	132	8,000			1,056,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	132	300,000	86,842		39,600,000	11,463,144	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	32	35,000	34,000		1,120,000	1,088,000	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	32	1,850,000	86,842	80,375	59,200,000	2,778,944	2,572,000
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						1,069,975,828	226,785,595	65,090,017

PHỤ LỤC 6

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
Thanh Hóa)

Phụ lục 6.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	1,307,510,275	130,751,027	1,438,261,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	36,127,000		36,127,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	92,624,824	9,180,382	101,806,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	722,658	72,266	795,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gđt=Gtt*4,2%)	54,915,432	5,491,543	60,407,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	2,615,021	261,502	2,877,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,307,510	130,751	1,438,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	1,307,510	130,751	1,438,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	33,550,714	3,355,071	36,906,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	821,000	-	821,000	
4	Chi phí khác	8,984,000		8,984,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GtrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	8,984,000		8,984,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	1,445,246,099	139,931,410	1,585,178,000	Gxdct

Phụ lục 6.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km)

DVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	929,742,377	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	198,233,061	NC 1
	Chi phí máy	M1	52,354,307	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,180,329,745	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	929,742,377	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	198,233,061	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	52,354,307	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	127,180,530	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	59,016,487	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	68,164,043	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	1,307,510,275	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	130,751,027	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	1,438,261,302	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst +Gxdlt	1,438,261,000	Gxd

Phụ lục 6.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã tư khu phố Chiềng Trãi đi khu phố Làng Trùng, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (1,135 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	17.92		387,600			6,945,792	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	1.79	441,836	289,680		791,770	519,107	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	16.13	519,690	334,560	39,163	8,381,560	5,395,784	631,621
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	101	39,864	60,588		4,018,292	6,107,270	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	28	450,000			12,600,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 7 mét, dây 3,5mm, mạ kẽm nhúng nóng	Cột	28	5,300,000	612,000	120,946	148,400,000	17,136,000	3,386,488
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	28	1,000,000	553,618	289,489	28,000,000	15,501,304	8,105,692
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 90W	Bộ	28	6,500,000	110,724	258,264	182,000,000	3,100,272	7,231,392
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	28	214,500	33,217		6,006,000	930,076	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	252	19,752	5,100	16,500	4,977,504	1,285,200	4,158,000

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ (chiều dài tuyến là 1.135m - 210m đi qua cầu = 925m đào rãnh cáp)	m	925	127,692	45,442	28,747	118,115,100	42,034,306	26,590,615
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đấu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv + (30m đấu nối nguồn điện)	m	1,262	175,000	7,344		220,850,000	9,268,128	
13	Báo giá	Bảng cảnh báo cáp ngầm	m	925	8,500			7,862,500		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	1,262	26,390	24,913		33,304,180	31,440,206	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	1,262	37,185	30,600		46,927,470	38,617,200	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	116		51,000			5,916,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	116	8,000			928,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	116	300,000	88,579		34,800,000	10,275,164	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	28	35,000	34,680		980,000	971,040	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	28	1,850,000	88,579	80,375	51,800,000	2,480,212	2,250,500
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						929,742,377	198,233,061	52,354,307

PHỤ LỤC 7

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 7.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	322,380,897	32,238,090	354,619,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	8,907,000		8,907,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	22,811,861.97	2,260,986	25,073,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	152,809	15,281	168,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gđt = Gtt*4,2%)	13,539,998	1,354,000	14,894,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	644,762	64,476	709,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	322,381	32,238	355,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	322,381	32,238	355,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	8,272,294	827,229	9,100,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	202,000	-	202,000	
4	Chi phí khác	2,215,000		2,215,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GttrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	2,215,000		2,215,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	356,314,758	34,499,076	390,814,000	Gxdct

Phụ lục 7.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	227,857,346	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	49,825,697	NC 1
	Chi phí máy	M1	13,340,110	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	291,023,152	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	227,857,346	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	49,825,697	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	13,340,110	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	31,357,745	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	14,551,158	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	16,806,587	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	322,380,897	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	32,238,090	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	354,618,986	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst +Gxdlt	354,619,000	Gxd

Phụ lục 7.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính đoạn từ ngã ba rẽ lên Khu di tích lịch sử Chùa Mèo, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (0,28 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	4.48		387,600			1,736,448	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	0.45	441,836	289,680		197,943	129,777	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	4.03	519,690	334,560	39,163	2,095,390	1,348,946	157,905
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	25	39,864	60,588		1,004,573	1,526,818	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	7	450,000			3,150,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 7 mét, dày 3,5mm, mạ kẽm nhúng nóng	Cột	7	5,300,000	612,000	120,946	37,100,000	4,284,000	846,622
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	7	1,000,000	553,618	289,489	7,000,000	3,875,326	2,026,423
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 90W	Bộ	7	6,500,000	110,724	258,264	45,500,000	775,068	1,807,848
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	7	214,500	33,217		1,501,500	232,519	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	63	19,752	5,100	16,500	1,244,376	321,300	1,039,500

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ 40m/cột	m	240	127,692	45,442	28,747	30,646,080	10,906,198	6,899,186
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv	m	308	175,000	7,344		53,900,000	2,261,952	
13	Báo giá	Băng cảnh báo cáp ngầm	m	240	8,500			2,040,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	308	26,390	24,913		8,128,120	7,673,204	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	308	36,683	30,600		11,298,364	9,424,800	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	32		51,000			1,632,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	32	8,000			256,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	32	300,000	88,579		9,600,000	2,834,528	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	7	35,000	34,680		245,000	242,760	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	7	1,850,000	88,579	80,375	12,950,000	620,053	562,625
		Tổng cộng:						227,857,346	49,825,697	13,340,110

PHỤ LỤC 8

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước (02 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
Thanh Hóa)

Phụ lục 8.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước (02 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	2,459,538,409	245,953,841	2,705,492,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa= 2,763%*Gxd)	67,957,000		67,957,000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn xây dựng	174,125,383.44	17,257,938	191,384,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	1,247,938	124,794	1,373,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gdt=Gtt*4,2%)	103,300,613	10,330,061	113,631,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	4,919,077	491,908	5,411,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	2,459,538	245,954	2,705,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu				
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	2,459,538	245,954	2,705,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu				
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	63,111,756	6,311,176	69,423,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật	1,546,000	-	1,546,000	
4	Chi phí khác	16,900,000		16,900,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GttrQT = (Gxd+Gqlđa+Gtv)*0.57%)	16,900,000		16,900,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	2,718,520,792	263,211,779	2,981,733,000	Gxdct

Phụ lục 8.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước (02 km)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	1,753,710,237	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	362,590,791	NC 1
	Chi phí máy	M1	103,999,951	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	2,220,300,978	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,753,710,237	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC=NC1$	362,590,791	NC
	Tổng chi phí máy	$M=M1$	103,999,951	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T+C) \times 5.5\%$	239,237,430	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	111,015,049	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+C) \times 5.5\%$	128,222,382	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	2,459,538,409	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	245,953,841	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	2,705,492,250	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst +Gxdlt	2,705,492,000	Gxd

Phụ lục 8.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường trục chính thị trấn Cành Nà, huyện Bá Thước (02 km)

ĐVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	32.00		387,600			12,403,200	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	3.20	441,836	289,680		1,413,875	926,976	
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	28.80	519,690	334,560	39,163	14,967,072	9,635,328	1,127,894
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	180	39,864	60,588		7,175,522	10,905,840	
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	50	450,000			22,500,000		
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 9 mét, dày 3,5mm, bích 400x400x100mm- mạ kẽm nhúng nóng	Cột	50	6,000,000	612,000	120,946	300,000,000	30,600,000	6,047,300
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn cao 2 mét, vươn 1,5 mét	Bộ	50	1,000,000	553,618	289,489	50,000,000	27,680,900	14,474,450
8	CS.1.05.11	Lắp đèn LED 150W	Bộ	50	7,500,000	110,724	258,264	375,000,000	5,536,200	12,913,200
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	Bộ	50	214,500	33,217		10,725,000	1,660,850	
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	550	19,752	5,100	16,500	10,863,600	2,805,000	9,075,000

11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền nhựa, bê tông, làm lại mặt bằng như cũ 40m/cột	m	1,960	127,692	45,442	28,747	250,276,320	89,067,287	56,343,356
12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv	m	2,176	175,000	7,344		380,800,000	15,980,544	
13	Báo giá	Băng cảnh báo cáp ngầm	m	1,960	8,500			16,660,000		
14	CS.5.07.1B2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	2,176	26,390	24,750		57,424,640	53,856,000	
15	CS.2.03.10	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	2,176	36,683	30,600		79,822,208	66,585,600	
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột vào tủ	Đầu	204		51,000			10,404,000	
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	Cái	204	8,000			1,632,000		
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	Đầu	204	300,000	88,579		61,200,000	18,070,116	
19	CS.2.05.1	Đánh số cột	Cột	50	35,000	34,680		1,750,000	1,734,000	
20	CS.1.07.10	Tiếp địa cột RC1	bộ	50	1,850,000	88,579	80,375	92,500,000	4,428,950	4,018,750
21	Báo giá	Tủ điện bảo vệ hệ thống, điều khiển đóng cắt tự động chiếu sáng	bộ	1	19,000,000	310,000		19,000,000	310,000	
		Tổng cộng:						1,753,710,237	362,590,791	103,999,951

PHỤ LỤC 9

Phê duyệt dự toán chi tiết: Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phan Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phan Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 9.1. Dự toán cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phan Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phan Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác)

ĐVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	285,421,356	28,542,136	313,963,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	7,886,000		7,886,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	9,142,094	914,209	10,056,000	Gtv
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gđt = Gtt*4,2%)	-	-	-	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	1,818,182	181,818	2,000,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	909,091	90,909	1,000,000	
	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	-	-	-	
3.3.2	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	909,091	90,909	1,000,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu	-	-	-	
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	7,323,912	732,391	8,056,000	
3.5	Chi phí thẩm định báo cáo KT kỹ thuật (TKKT = Gtt*0.126%)	-	-	-	
4	Chi phí khác	1,892,000		1,892,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GttrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	1,892,000		1,892,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2+ 3+ 4)	304,341,450	29,456,345	333,797,000	Gxdct

Phụ lục 9.2. Dự toán cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phan Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phan Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác)

DVT: Đồng

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu	VL1	210,542,888	VL 1
	Chi phí nhân công	NC1	26,941,591	NC 1
	Chi phí máy	M1	20,815,391	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T = VL + NC + M$	258,299,870	T
	Tổng chi phí vật liệu	$VL = VL1$	210,542,888	VL
	Tổng chi phí nhân công	$NC = NC1$	26,941,591	NC
	Tổng chi phí máy	$M = M1$	20,815,391	M
	Trực tiếp phí khác	$T \times 5\% + (T + C) \times 5.5\%$	27,121,486	TT
3	Chi phí chung	$T \times 5\%$	12,914,994	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T + C) \times 5.5\%$	14,206,493	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T + C + TL$	285,421,356	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	28,542,136	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt + GTGT$	313,963,492	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1 + 10\%) \times 2\%$		Gxdlt
	Tổng chi phí công trình (làm tròn)	Gst + Gxdlt	313,963,000	Gxd

Phụ lục 9.3. Dự toán cải tạo hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Lê Tất Đắc, Nhữ Bá Sỹ, Trần Huy Liệu, Nam Cao, Phan Huy Chú, Phạm Ngọc Thạch, Phan Huy Ích, Ngõ 05 Ngõ Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa (23 bộ đèn, cần đèn và vật tư, phụ kiện khác)

DVT: Đồng

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	CS.5.05.11	Thay thế cần đèn cao 2 mét, vuton 1,5 mét	Bộ	23	1,000,000	569,901	289,489	23,000,000	13,107,730	6,658,247
2	CS.5.03.11	Thay thế đèn LED 150W	Bộ	23	6,900,000	113,980	258,264	158,700,000	2,621,546	5,940,072
3	CS.2.07.10	Tháo dây lên đèn cũ	m	69		5,428	16,500		374,507	1,138,500
4	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	69	19,752	5,096	16,500	1,362,888	351,624	1,138,500
5	CS.5.02.11	Tháo hạ chóa đèn	Bộ	23		113,980	258,264		2,621,546	5,940,072
6	Báo giá	Băng dính	Cuộn	25	9,000			225,000		
7	Báo giá	Đai gông cần đèn	Bộ	46	325,000			14,950,000		
8	Báo giá	Hộp điện kỹ thuật đấu nối và thiết bị bảo vệ	Bộ	23	535,000	341,941		12,305,000	7,864,638	
		TỔNG CỘNG						210,542,888	26,941,591	20,815,391

PHỤ LỤC 10

Phê duyệt dự toán chi tiết: Hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nổi lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục 10.1. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nổi lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km)

ĐVT: Đồng.

STT	CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng	2,058,511,044	205,851,104	2,264,362,000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ = 2,763%*Gxd)	56,877,000		56,877,000	Gqlđ
3	Chi phí tư vấn xây dựng	147,306,390	14,601,439	161,908,000	Gtv
3.1	Khảo sát đường dây chiếu sáng	560,000	56,000	616,000	
3.2	Lập Báo cáo KTKT (Gđt = Gtt*4,2%)	86,457,464	8,645,746	95,103,000	
3.3	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	6,175,533	617,553	6,793,000	
3.3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	2,058,511	205,851	2,264,000	
3.3.2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1,029,256	102,926	1,132,000	
3.3.3	Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	2,058,511	205,851	2,264,000	
3.3.4	Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu	1,029,256	102,926	1,132,000	
3.4	Giám sát thi công (Ggs = Gtt*2,566%)	52,821,393	5,282,139	58,104,000	
3.5	Chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	1,292,000	-	1,292,000	
4	Chi phí khác	14,154,000		14,154,000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT (GtrQT = (Gxd+Gqlđ+Gtv)*0.57%)	14,154,000		14,154,000	
	TỔNG CỘNG (1 + 2 + 3 + 4)	2,276,848,434	220,452,543	2,497,301,000	Gxdct

Phụ lục 10.2. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nối lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km)

ĐVT: Đồng.

STT	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí theo đơn giá			
	Chi phí vật liệu đường trục chính	VL1	1,642,488,694	VL 1
	Chi phí nhân công đường trục chính	NC1	180,814,024	NC 1
	Chi phí máy đường trục chính	M1	34,978,522	M 1
2	Chi phí trực tiếp	$T=VL+NC+M$	1,858,281,240	T
	Chi phí vật liệu	$VL=VL1$	1,642,488,694	VL
	Chi phí máy	$M=M1$	34,978,522	M
	Chi phí nhân công	$NC=NC1$	180,814,024	TT
3	Chi phí chung	$T*5\%$	92,914,062	CPC
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T+CPC)*5.5\%$	107,315,742	TL
5	Chi phí xây dựng trước thuế	$T+C+TL$	2,058,511,044	Gtt
6	Thuế giá trị gia tăng	$Gtt \times 10\%$	205,851,104	GTGT
7	Chi phí xây dựng sau thuế	$Gtt+GTGT$	2,264,362,148	Gst
8	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	$Gtt \times (1+10\%) \times 2\%$	-	Gxdlt
	Tổng chi phí xây dựng (làm tròn)	Gst +Gxdlt	2,264,362,000	Gxd

Phụ lục 10.3. Dự toán xây dựng hệ thống điện chiếu sáng sử dụng pin năng lượng mặt trời kết hợp nối lưới tại tuyến đường trục chính đi vào Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá (0,92 km)

DVT: Đồng

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác đo bóc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
1	AB.11413	Đào móng cột thép	m3	27.60		380,000			10,488,000	0
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6 mác100	m3	2.30	441,836	284,000		1,016,223	653,200	0
3	AF.11212	Bê tông móng cột, móng tủ đá 1x2 mác150	m3	23.60	519,690	328,000	41,086	12,264,684	7,740,800	969,630
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột, móng tủ	m2	110	39,864	59,400		4,400,987	6,557,760	0
5	Báo giá	Khung móng cho cột đèn	Bộ	23	660,000			15,180,000	0	0
6	CS.1.01.24	Lắp dựng cột đèn 09m chiều dày 4mm + giá đỡ tấm pin năng lượng mặt trời	cột	23	8,400,000	600,000	145,262	193,200,000	13,800,000	3,341,026
7	CS.5.05.11	Lắp cần đèn vươn 1,5 mét	bộ	23	1,000,000	542,763	236,533	23,000,000	12,483,549	5,440,259
8	CS.1.05.11	Đèn LED – 90w dùng cho NLMT	bộ	23	6,500,000	108,553	206,294	149,500,000	2,496,719	4,744,762
9	CS.2.06.10	Lắp bảng điện cửa cột	bảng	23	237,000	32,566		5,451,000	749,018	0
10	CS.2.07.10	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2 x 2,5	m	460	19,752	5,000		9,085,920	2,300,000	0
11	Chiết tính	Đào rãnh cáp ngầm trên nền đất. Hoàn trả mặt bằng 40m/cột	m	880	127,692	19,235	20,861	112,368,960	16,926,741	18,357,645

12	BA.16209	Kéo rải cáp ngầm, đầu nối tủ điện cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA 3x16 + 1x10 - 0.6/Kv (20m đầu nối nguồn điện)	m	988	175,000	7,200		172,900,000	7,113,600	0
13	Báo giá	Bảng cảnh báo cáp ngầm	m	880	8,500			7,480,000		
14	CS.5.07.1b2	Kéo rải tiếp địa liên hoàn (dây đồng mềm M10)	m	988	26,390	24,424		26,073,320	24,130,912	0
15	BB.19501	Luồn ống nhựa gân xoắn bảo vệ cáp ngầm 65/50	m	988	40,200	30,000		39,717,600	29,640,000	0
16	CS.2.04.10	Luồn cáp cửa cột	đầu	48		50,000		0	2,400,000	0
17	Báo giá	Đầu cốt đồng	đầu	368	8,000			2,944,000	0	0
18	CS.2.02.10	Làm đầu cáp khô	đầu	184	280,000	72,016		51,520,000	13,250,944	0
19	CS.2.05.20	Đánh số cột thép	cột	23	35,000	34,000		0	782,000	0
20	CS.1.07.20	Làm tiếp địa lắp lại cho lưới điện cáp ngầm	bộ	23	1,850,000	86,842	92,400	42,550,000	1,997,366	2,125,200
21	CS.2.08.10	Lắp giá đỡ tủ	giá đỡ	23	248,000	500,000		7,936,000	11,500,000	0
22	CS.2.08.20	Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng	tủ	23	3,500,000	470,000		80,500,000	10,810,000	0
23	Báo giá	Ắc quy 150AH 12V	bộ	23	15,500,000			356,500,000	0	0
24	CS.6.02.20	Bộ điều khiển kết nạp với điện lưới 24V-10A	bộ	23	7,800,000	217,105		179,400,000	4,993,415	0
25	Báo giá	Hai tấm pin năng lượng mặt trời 120Wp	bộ	23	6,500,000			149,500,000	0	0
Tổng cộng								1,642,488,694	180,814,024	34,978,522